TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1984. (có mặt)

Cư trú: Ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 23/11/2011 do UBND xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp. Hôn nhân do mai mối. Sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cự cãi và ông T thường xuyên đi nhậu về đánh bà nhiều lần. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015

cho đến nay không tới lui thăm nhau. Gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với Ông Đổ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đổ Thị Thúy A, sinh ngày 21/10/2011. Hiện cháu đang sống chung với bà L. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Đổ Văn T đến Tòa án để tham gia phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và cũng không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trần Thị Thúy L khởi kiện Ông Đổ Văn T, ông T cư trú ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đổ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. *Về hôn nhân:* Bà L và ông T sống chung với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà L và ông T ly thân từ năm 2015 đến nay không còn liên lạc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà L và ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, Bà L xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Đổ Thị Thúy A, sinh ngày 21/10/2011. Hiện cháu A đang sống chung với bà L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu A đã sống ổn định với bà L vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu A cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông T.

[5]. *Về tài sản chung:* Bà L không yêu cầu Tòa nên không đề cập giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Bà L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy L.

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Thúy L được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

- *Về con chung:* Bà Trần Thị Thúy L được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Đỗ Thị Thúy A, sinh ngày 21/10/2011. Hiện cháu đang sống chung với bà L.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019516 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới